

Bản án số: 284/2017/DS – PT
Ngày: 16/11/2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2017/TLPT- DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2017/DS – ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 267/2017/QĐ – PT ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1973; là người đại diện theo ủy quyền. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 5 năm 2017); (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh V- Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Minh V thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H2, sinh năm: 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Văn P, sinh năm: 1970; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2017, bản khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh B trình bày:

Ngày 10/10/2015 anh Nguyễn Văn H1 có cho chị Phạm Thị H2 mượn số tiền 170.000.000đồng, hai bên có thỏa thuận trong vòng 01 năm (tức là đến ngày 10/10/2016) chị H2 hoàn trả đủ số tiền trên cho anh H1. Hai bên có làm giấy mượn tiền. Hết thời hạn nhưng chị H2 không trả nên anh H1 nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị H2 trả số tiền 170.000.000đồng và vợ chồng chị H2 chỉ hứa nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay anh Nguyễn Văn H1 yêu cầu chị Phạm Thị H2 cùng chồng là anh Phan Văn P liên đới có nghĩa vụ trả cho anh H1 gồm: tiền gốc là 170.000.000đồng (Một trăm bảy chục triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 10/10/2015 đến ngày Tòa án đưa ra xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,75%/tháng là: $22 \text{ tháng} \times 170.000.000 \times 0,75\% = 28.050.000$ (hai mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tổng cộng yêu cầu trả gốc và lãi là: 198.050.000 (một trăm chín mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chị khẳng định số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng chị H2 mượn là của anh H1 nhờ chị đưa cho chị H2 mượn, không phải là tiền của chị.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy ghi nợ ngày 10/10/2015 được ký kết giữa anh H1 và chị H2.

Theo bản khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm bị đơn chị Phạm Thị H2 trình bày:

Chị thừa nhận có mượn số tiền 170.000.000đồng nhưng nhận tiền từ chị Nguyễn Thanh B, thỏa thuận lãi suất 3.000đồng/01 triệu/ngày nhưng không có làm giấy tờ gì với chị B, từ ngày 12/01/2017 chị xin chị B không đóng lãi nữa và xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000đồng nhưng chị B không đồng ý cho nên đến nay chị chưa trả số tiền trên. Giấy mượn tiền ghi ngày 10/10/2015 chị thừa nhận là do chị viết và ký tên với anh H1 nhưng do chị B yêu cầu chị viết như vậy để cho vợ anh H1 tin và chồng chị B không chửi chị. Việc mượn tiền và đóng lãi được thực hiện giữa chị và chị B, chồng chị không biết và chị cũng không có

nhận tiền từ anh H1. Nay chị đồng ý trả số nợ gốc là 170.000.000đồng cho chị B và trả hàng tháng là 500.000đồng đến khi dứt nợ chứ không đồng ý trả cho anh H1, không đồng ý trả số tiền lãi và không yêu cầu chồng chị là anh Phan Văn P liên đới cùng chị trả số tiền này.

Theo bản khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn P trình bày:

Anh biết việc vợ anh là chị Phạm Thị H2 có mượn số tiền 170.000.000đồng của anh H1 vào ngày 25/02/2017 nhưng anh không biết vợ anh mượn tiền như thế nào và mượn tiền để làm gì, đây là nợ của chị H2 thì chị H2 tự trả anh không đồng ý liên đới trả số tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của anh H1.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng các điều 351, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 26, 35, 92, 147, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H1.

Buộc chị Phạm Thị H2 cùng chồng là anh Phan Văn P liên đới nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 182.750.000 (một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bác yêu cầu của anh Nguyễn Văn H1 đối với chị Phạm Thị H2 cùng chồng là anh Phan Văn P cùng liên đới nghĩa vụ trả số tiền lãi là 15.300.000đồng (mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/9/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn P kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn P tại phiên Tòa phúc thẩm: anh không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh, anh không đồng ý liên đới trả số tiền vay và tiền lãi. Vì số tiền này là của chị H2 vay không có thông qua anh nên anh không biết đến khi chị H2 không có khả năng đóng lãi mới cầm giấy nhận nợ đưa cho anh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh B trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn chị Phạm Thị H2 trình bày: đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn P.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm buộc chị Phạm Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1 cùng liên đới nghĩa vụ trả tiền nợ và tiền lãi cho anh Nguyễn Văn H1 là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phan Văn P giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56/2017/DSST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Phan Văn P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền lập ngày 10/10/2015 do chị H2 viết với nội dung chị có mượn tiền của anh H1 170.000.000đồng, chị H2 cho rằng chị vay dùm cho chị D là chị của chị nhưng không có gì để chứng minh và cũng không được anh H1 chấp nhận. Do đó, chỉ có cơ sở xác định số tiền này do chị H2 vay của anh H1.

[2] Hôn nhân của anh P với chị H2 có đăng ký kết hôn và hôn nhân vẫn tồn tại. Việc chị H2 lập hợp đồng vay có ghi là để làm ăn sinh sống và tại phiên Tòa sơ thẩm chị khai vay tiền để lo cho cuộc sống gia đình; theo Điều 27, Điều 30 luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới do giao dịch từ một bên. Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc anh P phải liên đới là có căn cứ. Anh P kháng cáo mà không có chứng cứ gì khác để chứng minh nên không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Văn P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2017/DS – ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các điều 351, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 26, 35, 92, 147, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H1.

Buộc chị Phạm Thị H2 cùng chồng là anh Phan Văn P liên đới nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 182.750.000 (một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị H2 và anh Phan Văn P phải liên đới chịu 9.137.500 đồng (chín triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 765.000 đồng (bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 4.855.625 đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0007749 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện M. Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền 4.090.625đồng (bốn triệu không trăm chín mươi ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phan Văn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011595 ngày 07/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng